

## Danh sách học sinh trúng tuyển trường THPT Nguyễn Thượng Hiền

SBD	NgàySinh	MaTruong	Tuyensinh10	TrungTuyenNV	Ho	Ten
66342	22/04/1992	Nguyễn Du	42.5	2	NGUYỄN ĐỨC	NAM
67929	12/01/1992	Hà Huy Tập	38	2	LƯƠNG HOÀNG MỸ	LINH
68116	11/10/1992	Nguyễn Du	40	1	HỒ NỮ MAI	NHƯ
63055	23/03/1992	Trần Phú	38.25	1	TRẦN KHÁNH	HÀ
62870	27/07/1992	Trần Phú	38.5	2	NGÔ THIÊN	ÂN
61679	07/05/1992	Nguyễn Du	40.25	1	TRẦN VÕ NGỌC	QUYÊN
63238	10/03/1992	Chu Văn An	42.5	2	LÊ HOÀNG	KHOA
64441	13/11/1992	N. Văn Tố	39.25	2	NGUYỄN ANH	MINH
65960	22/05/1992	Chu Văn An	40.25	2	TRẦN ĐỨC	HUY
64496	20/06/1992	Trần Phú	41	2	LÊ MINH	NGUYỄN
65498	20/11/1992	T.Chánh Hiệp	43	2	HUYỄN THÀNH	CHƯƠNG
66835	20/09/1992	N.Văn Trỗi	41.25	2	TRẦN MINH	TÂM
64607	28/04/1992	Nguyễn Du	40.5	2	VÕ LÊ	TÂM
64684	22/03/1992	Nguyễn Du	37.75	2	ĐỖ VĂN	TIẾN
64196	09/02/1992	Nguyễn Du	41.75	2	NGUYỄN THANH	CHÂU
63682	03/10/1992	TN. Sư Phạm	38.75	2	NGUYỄN HUỶNH	TÂM
63555	13/09/1992	Hermann Gmeiner	39.25	1	PHẠM PHƯƠNG	PHI
66454	10/01/1992	Colette	41.25	2	HÀ HOÀNG BẢO	NGUYỄN
63507	31/01/1992	THCS Lê Quý Đôn	41.5	2	PHẠM HỨA THÚY	NHI
65954	02/08/1992	Lê Lợi	42.25	2	PHAN NGỌC	HUY
62974	02/11/1992	Hai Bà Trưng	39.75	2	NGUYỄN QUANG	DUY
60028	21/02/1992	THCS Lê Quý Đôn	39.5	2	TRẦN NGỌC PHÚC	AN
67976	07/09/1992	Lê Lợi	38.5	2	TRẦN NGỌC TRÚC	MAI
68239	23/10/1992	Võ Thành Trang	38.75	1	TRẦN THỊ NHÀN	THANH
64428	23/05/1992	Đặng Trần Côn	41.5	1	ĐOÀN PHƯƠNG QUANG	LỮU
65499	04/01/1992	THCS Lê Anh Xuân	40.25	1	LÝ NGUYỄN	CHƯƠNG
65864	22/02/1992	THCS Lê Anh Xuân	40	1	TRẦN TRUNG	HIẾU

64630	13/05/1992	THCS Lê Anh Xuân	38.5	1	DIỆP HÙNG	THÀNH
62259	13/08/1992	THCS Lê Anh Xuân	37.5	1	NGUYỄN ĐỨC MINH	TRÍ
68219	27/10/1992	THCS Lê Anh Xuân	38	1	NGUYỄN ĐÌNH MINH	TÂM
62901	09/01/1992	Quang Trung	38.5	2	VÕ TRẦN GIA	CÁT
68401	15/06/1992	Quang Trung	38.5	2	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM
66018	30/03/1992	Quang Trung	40	2	HUỲNH KIM	HỮU
68457	23/10/1992	Tân Bình	38.5	1	NGUYỄN HOÀNG THOẠI	UYÊN
66164	20/02/1992	Nguyễn Gia Thiều	40	2	LÂM NGỌC THÙY	LINH
61947	18/06/1992	Nguyễn Gia Thiều	39.75	2	ĐẶNG THANH HỒNG	THỊNH
62866	22/01/1992	Nguyễn Gia Thiều	37.75	1	VŨ KHÁNH MAI	ANH
60914	17/01/1992	Nguyễn Gia Thiều	39	2	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN
64344	05/01/1992	Quang Trung	40	2	ĐẶNG THANH	HUYỀN
67833	24/01/1992	Ngô Sĩ Liên	37.75	1	VŨ XUÂN	HOÀNG
65597	10/06/1992	Ngô Sĩ Liên	44	2	LÊ ĐỨC	DUY
63541	14/04/1992	Ngô Sĩ Liên	38.5	2	NGUYỄN CHÁNH	NIỆM
63572	09/04/1992	Ngô Sĩ Liên	39	2	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC
64334	04/01/1992	Ngô Sĩ Liên	38.75	2	NGUYỄN HOÀNG	HUY
68003	12/02/1992	Ngô Sĩ Liên	38	2	NGUYỄN PHAN KIỀU	MỸ
66117	30/03/1992	Nguyễn Gia Thiều	40.25	2	HOÀNG VĂN	KIỆT
62925	23/01/1992	Lê Lợi	41	1	LÊ HUỲNH	CHÍ
63063	18/05/1992	Lê Lợi	39.75	2	KIỀU XUÂN	HẢI
63978	22/09/1992	Lê Lợi	39.5	2	THIỀU HỮU	TRUNG
67954	23/02/1992	Ngô Quyền	38	1	NGUYỄN KIM	LONG
67789	02/04/1992	Ngô Quyền	38	1	VÕ THỊ NGỌC	HẠNH
65580	14/04/1992	Ngô Quyền	40.75	2	TRẦN PHƯỚC	DŨNG
64275	21/01/1992	Ngô Sĩ Liên	40	2	NGUYỄN HỒNG	HẢI
66424	13/01/1992	Ngô Sĩ Liên	40.75	2	LÊ	NGỌC
61493	07/03/1992	Ngô Sĩ Liên	38.75	1	NGUYỄN BẢO HỒNG	PHÁT
64688	04/04/1992	Ngô Sĩ Liên	43	1	LÊ TRUNG	TÍN
67658	24/02/1992	Hoàng Hoa Thám	37.75	1	NGUYỄN HOÀNG	ANH

68298	28/11/1992	Lý Thường Kiệt	39.25	1	NGUYỄN PHƯƠNG	THU
64565	24/10/1992	Ngô Tất Tố	39.75	2	NGUYỄN LÊ MINH	QUANG
64163	05/02/1992	Lê Quý Đôn	38	2	TRẦN TUẤN	ANH
66598	25/10/1992	N. Văn Tố	40	2	LÊ VŨ THANH	PHONG
60254	28/02/1992	Lê Quý Đôn	39.75	2	BÙI NGUYỄN QUẾ	CHI
65731	30/09/1992	Nguyễn Du	40.5	2	ĐỖ THỊ HƯƠNG	GIANG
60120	29/08/1992	Nguyễn Du	39.5	2	NGUYỄN VIỆT VÂN	ANH
63728	15/06/1992	Phan Tây Hồ	39.5	2	NGUYỄN TRUNG CÔNG	THÀNH
67137	08/01/1992	Phan Tây Hồ	42.75	2	TRẦN THANH	TOÀN
64189	06/05/1992	Cầu Kiệu	40.5	2	NGUYỄN ĐỨC THANH	BÌNH
64463	20/04/1992	Cầu Kiệu	41.5	2	BÙI THỊ HOÀNG	NGA
68234	13/06/1992	Cầu Kiệu	38.25	1	NGUYỄN MỸ	THANH
63284	03/01/1992	Nguyễn Du	40.25	2	HỒ HOÀNG	LÊ
65594	26/04/1992	THCS Lê Quý Đôn	40.25	2	HỒ QUAN	DUY
64145	14/01/1992	Nguyễn Du	39.75	2	NGUYỄN NGUYỄN HÀ	ANH
64226	04/03/1992	Nguyễn Du	37.75	2	KIỀU PHAN KHÁNH	DUNG
63214	01/09/1992	N. Văn Tố	42	2	NGUYỄN MẠNH	KHANG
64114	22/06/1992	N. Văn Tố	38.5	2	LƯU HÀ	YÊN
68136	25/11/1992	Nguyễn Du	38.5	2	NGUYỄN TUẤN	PHÁT
61726	25/02/1992	THPT Trần Đại Nghĩa	36.25	2	PHẠM THÁI	SƠN
63140	04/03/1992	Nguyễn Du	41.75	2	NGUYỄN ĐỨC HUY	HOÀNG
64494	23/11/1992	Bình Tây	41	2	DƯƠNG THỊ THẢO	NGUYỄN
68389	12/10/1992	Gò Vấp 2	38.25	1	LÊ DUY ÁNH	TRÂM
67255	12/09/1992	Nguyễn Gia Thiều	40.5	2	ĐINH VĨNH MINH	TRIẾT
68225	17/10/1992	Nguyễn Gia Thiều	38.5	2	TRƯƠNG THỊ HOÀI	TÂM
67476	15/07/1992	Nguyễn Gia Thiều	43	2	PHAN TRẦN	VIỆT
63001	24/07/1992	Nguyễn Gia Thiều	38.25	2	TRẦN MAI HỒNG	ĐÀO
63245	22/03/1992	Nguyễn Gia Thiều	41	2	PHAN VŨ ĐĂNG	KHOA

64550	25/01/1992	Nguyễn Gia Thiếu	39.75	2	HOÀNG THỊ LAN	PHƯƠNG
63622	06/10/1992	Nguyễn Gia Thiếu	44.5	1	HUYỀN VĂN	QUÂN
64593	12/04/1992	Nguyễn Gia Thiếu	38.75	2	LÊ NGUYỄN NHƯ	QUỲNH
63984	13/02/1992	Nguyễn Gia Thiếu	39	2	TRƯƠNG TRUNG	TRƯỜNG
64070	26/07/1992	Nguyễn Gia Thiếu	41.5	2	NGUYỄN QUỐC	VIỆT
66962	12/08/1992	Lam Sơn	43	2	BÙI HỮU	THẮNG
64549	11/06/1992	Lam Sơn	40.25	1	ĐỖ NGỌC	PHƯƠNG
63889	13/10/1992	THPT Trần Đại Nghĩa	38.75	2	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG